

Bản án số: 102/2020/HS-ST

Ngày 18 – 11 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Huy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Diệu và bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trung - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 11 năm 2020 tại Hội trường Nhà văn hóa xã Quỳnh Mỹ, huyện P, tỉnh Thái Bình xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 93/2020/TLST- HS, ngày 01 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2020/QĐXXST - HS ngày 04 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Đỗ Văn D, sinh ngày 07/5/1978 tại thôn Đ, xã V, huyện P, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện P, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Đỗ Văn Đ và con bà Đinh Thị S (đều đã chết) có vợ Đỗ Thị T và có 03 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Bản án số 92/2013/HSST ngày 31/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện P xử phạt 04 tháng tù về tội “Đánh bạc” ngày 20/01/2014 chấp hành xong hình phạt tù; tháng 11/2014 chấp hành xong án phí và hình phạt bổ sung.

Bị cáo D bị tạm giữ từ ngày 05/8/2020 đến ngày 08/8/2020 chuyển tạm giam đến nay. Bị cáo D đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện P, tỉnh Thái Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1969,

Nơi cư trú: Thôn Chính, xã Thụy Chính, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

Người chứng kiến:

1. Bà Lại Thị Hồng L, sinh năm 1985

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967

Đều cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện P, tỉnh Thái Bình

(Có mặt bị cáo D, vắng mặt anh T bà L, ông H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 15 phút ngày 05/8/2020, tại nhà ở của Đỗ Văn D thôn Đ, xã V, huyện P, Tổ công tác Công an huyện P phát hiện, bắt quả tang Đỗ Văn D đang có hành vi bán trái phép **02** gói ma túy cho Nguyễn Xuân Thành, sinh năm 1969, trú tại thôn Chính, xã Thụy Chính, huyện Thái Thụy. Trước sự chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương và chị Lại Thị Hồng L cùng ông Nguyễn Văn H. Tổ công tác tiến hành kiểm tra, thu giữ tại túi áo ngực bên phải Thành đang mặc **02** gói giấy trắng có dòng kẻ chứa chất bột màu trắng dạng cục (*niêm phong ký hiệu M1*). Thành khai nhận đó là 02 gói Hêrôin T vừa mua của D với giá 200.000 đồng để sử dụng cho bản thân; thu giữ tại túi quần bên trái phía trước D đang mặc 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, D khai là tiền vừa bán 02 gói Hêrôin cho T mà có; thu giữ tại lòng bàn phải của D 01 hộp nhựa màu trắng có nắp màu xanh, bên trong có 50 (năm mươi) gói giấy trắng có dòng kẻ, chứa chất bột màu trắng dạng cục và 01 (một) túi nilon trong suốt có quấn dây cao su màu hồng, chứa chất bột màu trắng dạng cục (*niêm phong ký hiệu M2*). Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, quản lý đồ vật tài liệu, niêm phong vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bản kết luận giám định số 293/KLGD-PC09 ngày 06/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Bình kết luận:

*“Vật chứng gửi đến giám định (M1) là ma túy, loại **Heroine (Hêrôin)**, có khối lượng **0,0666 gam** (không thấy không nghìn sáu trăm sáu mươi sáu gam).*

*Vật chứng gửi đến giám định (M2) là ma túy, loại **Heroine (Hêrôin)**, có khối lượng **6,7427 gam** (sáu thấy bảy nghìn bốn trăm hai mươi bảy gam)*

Heroine STT: 09, Danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính Phủ.”

Bản cáo trạng số 97/CT- VKSQP ngày 29/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình truy tố Đỗ Văn D phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Trong phần tranh luận, vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Đỗ Văn D như tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn D phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Văn D từ 08 năm tù đến 09 năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ. Về hình phạt bổ sung: đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng và án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo D trình bày: Do bản thân là người nghiện chất ma túy. Buổi sáng ngày 05/8/2020, bị cáo đi bộ từ nhà đến khu vực bến xe khách Quỳnh Côi thuộc tổ 07, thị trấn Quỳnh Côi, huyện P mua của 01 người đàn ông không quen biết 02 túi Hêrôin đều được đựng trong túi nilon trong suốt có quần dây cao su màu hồng với giá 5.000.000 đồng rồi mang về nhà, bị cáo dùng dao lam và giấy trắng có dòng kẻ có sẵn chia nhỏ 01 túi Hêrôin thành 52 gói nhỏ rồi cất cùng túi Hêrôin còn lại vào 01 hộp nhựa màu trắng có nắp màu xanh, đặt lên trên tủ giày của gia đình để bán kiếm lời. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, khi bị cáo đang ở trước cửa nhà thì Nguyễn Xuân T, là người quen của bị cáo, đến nói: *"Để cho anh hai quả"*. Hiểu ý Thành muốn mua 02 gói Hêrôin nên bị cáo đi vào cầm hộp nhựa nêu trên ra sân, lấy trong hộp 02 gói Hêrôin bán cho T. T cầm 02 gói Hêrôin cho vào túi áo ngực bên phải đang mặc rồi đưa cho bị cáo 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng. bị cáo nhận tiền cho vào túi quần bên trái phía trước đang mặc thì Công an huyện P phát hiện, bắt quả tang.

Lời nói sau cùng của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an

huyện P, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về chứng cứ xác định có tội:* Lời khai của bị cáo D trong quá trình điều tra, truy tố phù hợp với lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa và được chứng minh bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện P lập hồi 11 giờ 30 phút ngày 05/8/2020 tại nhà ở của Đỗ Văn D tại thôn Đ, xã V, huyện P, tỉnh Thái Bình (Bút lục số: 01-04); Các biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện P lập ngày 05/8/2020 (Bút lục số: 06-08); Bản kết luận giám định số 293/KLGĐ-PC09 ngày 06/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Bình (Bút lục số: 12); Bản tự khai và biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Xuân T và người chứng kiến là chị Lại Thị Hồng L và ông Nguyễn Văn H (Bút lục số: 63-72; 77-81);

Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ 15 phút ngày 05/8/2020, tại nhà ở của Đỗ Văn D tại thôn Đ, xã V, huyện P, tỉnh Thái Bình, bị cáo Đỗ Văn D đã có hành vi bán trái phép 0,0666 gam Hêrôin cho Nguyễn Xuân T, sinh năm 1969, trú tại thôn Chính, xã Thụy Chính, huyện Thái Thụy thu lợi bất chính số tiền 200.000 đồng, bị Công an huyện P phát hiện, bắt quả tang. Ngoài ra Đỗ Văn D còn tàng trữ trái phép trên người **6,7427 gam** Hêrôin với mục đích để bán kiếm lời, bị Công an huyện P phát hiện, thu giữ. Tổng khối lượng Hêrôin Đỗ Văn D bán trái phép và tàng trữ trái phép để bán kiếm lời là **6,8093 gam** (*Sáu phẩy tám nghìn không trăm chín mươi ba gam*). Hành vi nêu trên của bị cáo Đỗ Văn D đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a) Có tổ chức;*
- b) Phạm tội 02 lần trở lên;*

....

i) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;

k) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;

l) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 200 kilôgam;

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

a)

;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”

[3] *Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo:* Hành vi bán và tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Đỗ Văn D thực hiện là nguy hiểm cho xã hội và cho chính bản thân bị cáo, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, làm mất trật tự, trị an tại địa bàn nơi xảy ra vụ án.

[4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo D không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên bị cáo D được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] *Về nhân thân:* Bị cáo Đỗ Văn D có nhân thân xấu, đã 01 lần bị Tòa án kết án và là đối tượng nghiên cứu ma túy.

[7] *Về hình phạt chính:* Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn theo Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo D, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo, tuyên truyền và phòng ngừa chung như mức hình phạt mà ông Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo D đã thực hiện.

[8] *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo Đỗ Văn D tại phiên tòa, với mục đích tàng trữ chất ma túy để bán kiếm lời nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo D.

[9] *Về nguồn gốc số ma túy*: Bị cáo khai mua của một người đàn ông không quen biết tại khu vực bến xe khách Quỳnh Côi, huyện P nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để điều tra, xử lý.

[10] Đối với Nguyễn Xuân Thành là người đã mua 0,0666 gam Hêrôin của D nhưng T chưa có tiền án, tiền sự về các hành vi liên quan đến ma túy, mục đích mua ma túy để sử dụng cho bản thân, khối lượng ma túy không đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện P đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính “Cảnh cáo” đối với Thành là phù hợp với quy định của pháp luật.

[11] *Về xử lý vật chứng*: Đối với số ma túy còn lại sau giám định trong phong bì số 293/KLGĐ – PC09 ngày 06/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Bình là vật cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định gồm: **0,0461 gam** (*không thấy không nghìn bốn trăm sáu mươi một gam*) mẫu vật gửi giám định và toàn bộ bao gói thu của Nguyễn Xuân T trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định M1, số 293/ KLGĐ ngày 06/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Bình và **6,6383 gam** (*sáu phẩy sáu nghìn ba trăm tám mươi ba gam*) mẫu vật gửi giám định và toàn bộ bao gói thu của Đỗ Văn D trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định M2, số 293/ KLGĐ ngày 06/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Bình. Cần tịch thu số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[12] *Về án phí*: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Đỗ Văn D phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[13] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo D, anh Thành có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn D phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

3. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn D **08 (tám)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (*ngày 05 tháng 8 năm 2020*).

Phạt tiền bị cáo Đỗ Văn D **7.000.000** đồng (*Bảy triệu đồng*).

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điểm b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định gồm: **0,0461 gam** (*không thấy không nghìn bốn trăm sáu mươi mốt gam*) mẫu vật gửi giám định và toàn bộ bao gói thu của Nguyễn Xuân Thành trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định M1, số 293/ KLGĐ ngày 06/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Bình và **6,6383 gam** (*sáu thấy sáu nghìn ba trăm tám mươi ba gam*) mẫu vật gửi giám định và toàn bộ bao gói thu của Đỗ Văn D trong hộp niêm phong hoàn trả mẫu vật giám định ghi (M2 vật chứng quản lý của Đỗ Văn D, SN 1978 thôn Đ, xã V, huyện P, tỉnh Thái Bình). Tịch thu số tiền **200.000 đồng** (*Hai trăm nghìn đồng*) để sung vào Ngân sách Nhà nước, trong phong bì có niêm phong bên ngoài có ghi “Tiền vật chứng quản lý của Đỗ Văn D” (Vật chứng đang lưu tại Kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Bình theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/9/2020).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Đỗ Văn D phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo Đỗ Văn D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18 tháng 11 năm 2020). Anh Nguyễn Xuân T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình (báo cáo);
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình
- Công an huyện P;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Bị cáo D; anh T;
- Nhà tạm giữ Công an H.Quỳnh Phụ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Huy Hoàng

(Đã ký)

Hành vi phạm tội

Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ vào các tình tiết và chứng cứ nêu trên,

KẾT LUẬN

Như vậy, có đủ căn cứ xác định bị cáo có lý lịch dưới đây đã phạm tội như sau:

Họ và tên: Đỗ Văn D; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 07/5/1978 tại xã V, huyện P, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: thôn Đ, xã V, huyện P, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Họ và tên cha: Đỗ Văn Đăng; Họ và tên mẹ: Đinh Thị Son (đều đã chết);

Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 03;

Vợ: Đỗ Thị Thanh, sinh năm 1981, lao động tự do, trú tại xã V, huyện P, tỉnh Thái Bình;

Có 03 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2015;

* Tiền án, tiền sự: Không;

* Nhân thân: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12, sau đó nghỉ học lao động tự do tại địa phương. Bản án số 92/2013/HSST ngày 31/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện P xử phạt 04 tháng tù về tội “Đánh bạc”; ngày 20/01/2014 chấp hành xong hình phạt tù; tháng 11/2014 chấp hành xong án phí và hình phạt bổ sung.

Ngày 05/8/2020 có hành vi bán trái phép chất ma túy bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 05/8/2020 đến ngày 08/8/2020 chuyển tạm giam đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam theo Lệnh tạm giam số 50 ngày 07/8/2020 (từ ngày 08/8/2020 đến ngày 02/12/2020) của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện P tại Nhà tạm giữ Công an huyện P, tỉnh Thái Bình.

Hành vi nêu trên của bị cáo Đỗ Văn D đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Điều 251 Bộ luật Hình sự: Tội mua bán trái phép chất ma túy

KẾ HOẠCH XÉT HỎI TẠI PHIÊN TÒA

Hôm nay, ngày 18/11/2020 TAND huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự đối với bị cáo Tạ Văn Hùng bị VKSND huyện P truy tố về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

TM.HĐXX tôi tuyên bố khai mạc phiên tòa và đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Yêu cầu Thư ký báo cáo kết quả triệu tập đến phiên tòa

TM. HĐXX tôi kiểm tra lý lịch, phổ biến quyền và nghĩa vụ cho bị cáo tại phiên tòa.

Trước khi kiểm tra lý lịch của bị cáo tôi phổ biến cách xưng hô cho bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo xưng thưa HĐXX và xưng là bị cáo. Bị cáo đã nghe rõ chưa.

Tôi kiểm tra lý lịch của bị cáo: Bị cáo khai cho HĐXX biết Họ và tên của bị cáo –Nguyễn Xuân Hợp

: **Nguyễn Xuân Hợp**, sinh ngày 21/01/1994; nơi cư trú: thôn Xuân Lai, xã An Ấp, huyện P, tỉnh Thái Bình về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Họ và tên cha: Nguyễn Xuân H, sinh năm 1962; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Tươi, sinh năm 1958, đều lao động tự do, trú tại tại xã An Ấp, huyện P, tỉnh Thái Bình;

Gia đình có 04 chị em, Hợp là con thứ 03;

Bị cáo chưa có vợ, con;

**Bị cáo đã bị cấp Tòa án nào xét xử về hành vi phạm tội nào chưa:
Theo tài liệu có trong hồ sơ bị cáo bị 04 lần bị Tòa án kết án**

Bị cáo có tiền án? Tiền sự? ;

* Tiền sự: không;

* Tiền án:

- Bản án số 40/2015/HSST ngày 31/08/2015 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (Giá trị tài sản chiếm đoạt 20.000.000 đồng); ngày 10/01/2016 chấp hành xong hình phạt tù.

- Bản án số 299a/2016/HSST ngày 23/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Bản án số 75/2017/HSST ngày 24/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 299a/2016/HSST ngày 23/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, buộc chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 02 năm 6 tháng tù; ngày 25/11/2018 chấp hành xong hình phạt tù; tháng 7/2018 và tháng 3/2019 thi hành xong án phí và truy thu sung công của 02 bản án trên.

* Nhân thân:

Bị cáo bị tạm giam từ ngày nào?

Về quyền và nghĩa vụ của cáo tại phiên tòa: Theo quy định tại Điều 61 Bộ luật TTHS thì

Về quyền: *Bị cáo thì bị cáo có các quyền sau:*

- a) Nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử.
- b) Tham gia phiên tòa;
- c) Được thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ;

- đ) Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu;
- g) Tự bào chữa, nhờ người bào chữa cho mình;
- k) Nói lời sau cùng trước khi nghị án;
- m) Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án – quyền này sau khi tuyên án sẽ được giải thích rõ hơn;
- o) Thay đổi thành phần HĐXX và những người tiến hành tố tụng khác : Nếu thấy những người này không vô tư khách quan làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị cáo

Bị cáo có nghĩa vụ:

- a) Có mặt tại phiên tòa
- b) Chấp hành quyết định, yêu cầu của Tòa án.
- c) Chấp hành nội quy phiên tòa – nội quy phiên tòa đã được Thư ký phiên tòa phổ biến và đã được niêm yết công khai trước cửa phòng xử án.

Để bị cáo thực hiện quyền của mình sau đây tôi giới thiệu thành phần HĐXX và những người tiến hành tố tụng khác; Về thành phần HĐXX gồm có:
 Chủ tọa phiên tòa là tôi Trần Huy Hoàng– Thẩm phán TAND huyện P, ngồi bên tay phải tôi là Ông (Bà) _____, ngồi bên tay trái tôi là ông (Bà) _____,
 Thư ký ghi biên bản phiên tòa là bà Phạm Thị Thu Thư ký TAND huyện P,
 giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa hôm nay là ông Phạm Xuân Hà – Kiểm sát viên VKSND huyện P

H: Bị cáo có đề nghị thay đổi ai trong những người tiến hành tố tụng mà tôi vừa giới thiệu không

Hỏi bị cáo đã được nhận bản cáo trạng chưa, bị cáo đã nhận được quyết định đưa vụ

án ra xét xử hay chưa, nhận cách đây bao nhiêu ngày, khi tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử bị cáo có ý kiến không mời Luật sư bào chữa, tại phiên tòa hôm nay bị cáo có giữ nguyên ý kiến đó không.

Chủ tọa phiên tòa hỏi Bị cáo có yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng hoặc những người tham gia tố tụng khác không, bị cáo có yêu cầu đưa thêm vật chứng, tài liệu ra xem xét hay không, bị cáo có tài liệu khác xuất trình cho Tòa án hay không. Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt người chứng kiến? bị cáo có ý kiến gì không. Bị cáo nhất trí tiếp tục phiên tòa.

Hỏi Kiểm sát viên có đề nghị thay đổi thành phần những người tiến hành tố tụng không, có yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng, có yêu cầu đưa thêm vật chứng, tài liệu xem xét tại phiên tòa hay không cũng như việc vắng mặt của người chứng kiến.

Phần thủ tục phiên tòa KSV và bị cáo có ý kiến gì không.

Tôi tuyên bố kết thúc phần thủ tục chuyển sang phần Tranh tụng tại phiên tòa

đề nghị Đại diện VKS công bố bản cáo trạng.

H: Bị cáo đã nghe rõ nội dung bản cáo trạng mà vị đại diện VKS đã công bố chưa, bản cáo trạng mà vị đại diện VKS vừa công bố có giống với bản cáo trạng mà bị cáo đã nhận được trước đó không.

H: VKSND huyện Quỳnh Phụ quyết định truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 BLHS bị cáo có ý kiến gì.

H: Bị cáo trình bày ý kiến về bản cáo trạng và những tình tiết của vụ án?

HĐXX hỏi thêm về những điểm mà bị cáo trình bày chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn?

KSV hỏi về những chứng cứ tài liệu, đồ vật liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội và những tình tiết khác của vụ án?

biết hành vi bị cáo đã thực hiện liên quan đến tàng trữ trái phép chất ma túy.

H: Bị cáo đi bằng phương tiện gì: đi bộ từ nhà ra đường liên xã ,

H: Bị cáo làm nghề gì, thu nhập như thế nào: Lao động tự do

H: Gia đình bị cáo có ai là người có công với cách mạng không:

H: Bị cáo nhận thức như thế nào về hành vi mà mình đã thực hiện.

Tôi đã hỏi xong, các vị HTND và KSV có hỏi gì thêm bị cáo không.

Đại diện VKS

Chủ tọa công bố kết luận Định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản –
bút lục số 29

H: Bị cáo đã nghe rõ nội dung bản kết luận giám định chưa – bị cáo có ý kiến gì.

Có ai còn đề nghị HĐXX hỏi gì thêm ko.

Không ai đề nghị HĐXX hỏi gì thêm, TM HĐXX tôi tuyên bố kết thúc việc hỏi tại phiên tòa, **đề nghị KSV trình bày luận tội.**

H: Đại diện VKS đề nghị HĐXX

Về tội danh: tuyên bố bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản

Về điều luật áp dụng?

Về mức hình phạt

Về Xử lý vật chứng

Về án phí bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

H: Bị cáo có ý kiến tranh luận gì: Do bị cáo không mời luật sư bào chữa cho nên bị cáo tự đưa ra ý kiến quan điểm để đối đáp với đại diện VKS

Tôi tuyên bố kết thúc phần tranh luận HĐXX sẽ tiến hành nghị án, trước khi nghị án bị cáo được nói lời sau cùng trước khi HĐX nghị án.

Bị cáo nói lời sau cùng.

HĐXX tiến hành nghị án giao bị cáo cho các đ/c cảnh sát hỗ trợ tư pháp quản lý bị cáo trong thời gian HĐXX nghị án

TM HĐXX tôi tuyên án

TM HĐXX Phổ biết quyền kháng cáo cho bị cáo: TAND huyện P đã xử phạt bị cáo tù án phí phải chịu 200k nếu bị cáo không đồng ý có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay, do bị cáo đang bị giam nên bị cáo viết đơn thông quan ban giám thị trại giam BGT trại giam sẽ chuyển đơn kháng

cáo về TAND huyện P đề TA làm thủ tục chuyển hồ sơ lên TA ND tỉnh Thái Bình để xét xử theo thẩm quyền.

H: Bị cáo đã nghe rõ quyền kháng cáo chưa

TM. HĐXX tôi tuyên bố kết thúc phiên tòa, gia bị cáo cho các đồng chí cảnh sát hỗ trợ tư pháp quản lý bị cáo

